

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1158/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 12 -2020

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Bà Cao Thị Phương Thảo.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Ông Phạm Ngọc Đông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Thế Nữ Diệu Hiền - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 883/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1977 (CM)

Cư trú tại: Đội 4, thôn A, xã Ân, huyện H, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978 (VM)

Cư trú tại: Tổ 11, KV2, P. N, Tp.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

-Anh Nguyễn Văn H, bị đơn đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, chị Trần Thị G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu 2 tháng, đăng ký kết hôn số 74 ngày 26/9/2000 tại UBND P. N, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H nhậu nhẹt, cờ bạc, có quan hệ ngoại tình về đánh đập chị, không có trách nhiệm gì với gia đình. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: anh chị không có con chung:

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh thống nhất với lời khai của chị Trần Thị G về thời gian, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống từ khi kết hôn cho đến nay tuy có cãi nhưng vẫn hạnh phúc bình thường. Gần đây, do anh ghen tuông nên chị G bỏ nhà đi từ năm 2018. Nay chị G yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị G. Anh yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung : Anh chị không có con chung

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trần Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến trình bày về căn cứ khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành nghĩa vụ có mặt theo triệu tập của tòa như quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn H.
- Về con chung: Anh chị không có con chung
- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn H, bị đơn đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn .

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị G với anh Nguyễn Văn H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị G do anh H không lo làm ăn, cờ bạc gây nợ nần, đánh đập chị, không có trách nhiệm với gia đình. Anh H cho rằng vẫn còn tình cảm với chị G không đồng ý ly hôn. Xét thấy, hiện anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay. Tại phiên Tòa sơ thẩm, anh H vắng mặt không có lý do cho thấy bản thân anh H không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị G. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí HNGĐ sơ thẩm:

Chị Trần Thị G phải chịu theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2- Về con chung: Anh chị không có con chung.

3- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4- Án phí HNGĐ-ST: Chị Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0008578 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Cao Thị Phương Thảo